IÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO QUẢNG NGÃI

ỘI ĐỒNG CHẤM THI TS VÀO LỚP 10

NĂM HỌC 2023 - 2024

BẢNG GHI ĐIỂM

TRƯỜNG: THPT SƠN MỸ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh			
1	080001	01	TRẦN HOÀI	AN	Nam	17/07/2008	3.75	3.25	2.00		16.00	
2	080002	01	VƯƠNG NGUYỄN HOÀI	AN	Nam	01/06/2008	5.00	3.25	2.60		19.10	
3	080003	01	ĐỖ MINH	ANH	Nam	26/10/2008	3.50	3.00	3.00		16.00	
4	080004	01	LÊ HỒNG	ANH	Nam	23/09/2008	5.75	4.50	3.30		23.80	
5	080005	01	NGÔ QUỲNH	ANH	Nữ	28/08/2008	3.50	4.25	3.50		19.00	
6	080006	01	NGUYỄN ĐỖ TÚ	ANH	Nữ	24/11/2008	7.25	7.50	6.90		36.40	
7	080007	01	NGUYỄN NHƯ TRÂM	ANH	Nữ	04/11/2008	5.00	5.00	4.40		24.40	
8	080008	01	NGUYỄN QUỐC	ANH	Nam	19/12/2008	2.75	1.25	1.80		9.80	
9	080009	01	NGUYỄN THỊ TRÂM	ANH	Nữ	11/12/2008	5.50	2.25	1.70		17.20	
10	080010	01	PHẠM QUỲNH	ANH	Nữ	22/01/2008	7.75	5.75	6.60		33.60	
11	080011	01	PHẠM TUẤN	ANH	Nam	06/08/2008	2.00	1.00	2.30		8.30	
12	080012	01	VÕ THỊ NGỌC	ÁNH	Nữ	19/01/2008	2.75	2.75	2.80		13.80	
13	080013	01	PHẠM QUỐC	ÂN	Nam	12/10/2008	3.50	4.75	3.50		20.00	
14	080014	01	PHẠM CÔNG	ẤN	Nam	11/12/2008	5.00	7.75	5.50		31.00	
15	080015	01	LÂM GIA	BẢO	Nam	08/11/2008	5.00	3.00	2.90		18.90	
16	080016	01	LÊ HOÀNG VŨ	BẢO	Nam	04/06/2007	4.00	1.50	2.20		13.20	
17	080017	01	NGUYỄN DUY	BẢO	Nam	24/07/2008	3.50	1.50	2.30		12.30	
18	080018	01	NGUYỄN HỮU	BẢO	Nam	30/09/2008	3.25	2.00	1.10		11.60	
19	080019	01	PHAN QUỐC	BẢO	Nam	24/04/2008	3.75	3.75	2.30		17.30	
20	080020	01	PHẠM NGỌC	BẢO	Nam	18/05/2008	4.25	2.25	2.90		15.90	
21	080021	01	TRẦN GIA	BẢO	Nam	20/03/2008	5.00	4.00	3.20		21.20	
22	080022	01	TRẦN GIA	BẢO	Nam	22/02/2008	5.00	2.75	2.00		17.50	
23	080023	01	PHẠM THỊ HOÀI	BĂNG	Nữ	06/07/2008	7.75	6.00	6.10		33.60	
24	080024	01	ĐỖ TẤN	BÍCH	Nam	23/07/2008	2.75	2.75	4.20		15.20	
25	080025	02	NGUYỄN NGỌC	BÍCH	Nữ	16/10/2008	4.75	2.00	2.80		16.30	
26	080026	02	ĐOÀN THỊ THANH	BÌNH	Nữ	02/08/2008	7.25	7.25	8.20		37.20	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh			
27	080027	02	NGÔ TRẦN THANH	BÌNH	Nam	23/06/2008	4.00	2.50	2.50		15.50	
28	080028	02	NGUYỄN HỮU	BÌNH	Nam	24/01/2008	5.50	6.25	2.50		26.00	
29	080029	02	VÕ VĂN	CẢNH	Nam	15/12/2008	4.00	4.75	2.70		20.20	
30	080030	02	NGUYỄN HOÀNG	CHÂU	Nữ	21/08/2008	4.00	1.25	1.90		12.40	
31	080031	02	NGUYỄN NGỌC	CHÂU	Nam	17/04/2007	3.50	0.00	1.00		8.00	
32	080032	02	NGUYỄN THỊ MINH	CHÂU	Nữ	06/08/2008	6.75	6.25	2.20		28.20	
33	080033	02	VÕ BÙI HẢI	CHÂU	Nữ	06/03/2008	6.75	4.00	2.90		24.40	
34	080034	02	ĐỖ THỊ KIM	CHI	Nữ	09/04/2008	4.50	1.00	1.80		12.80	
35	080035	02	NGUYỄN THỊ NHƯ	CHI	Nữ	22/11/2008	4.00	4.50	2.50		19.50	
36	080036	02	TRẦN PHẠM HOÀNG	CHIÊU	Nam	24/08/2008	3.00	1.50	1.40		10.40	
37	080037	02	ĐINH TẤN	CHIẾN	Nam	13/05/2007	5.00	2.50	1.80		16.80	
38	080038	02	VÕ HỒ THANH	CHIẾN	Nam	17/12/2007	6.00	4.25	2.50		23.00	
39	080039	02	LÊ VĂN	CHÍ	Nam	19/11/2008	6.00	1.75	2.20		17.70	
40	080040	02	TRẦN MINH	CHÍ	Nam	17/09/2008	2.75	0.50	2.00		8.50	
41	080041	02	PHẠM NGỌC	CHÍNH	Nữ	05/11/2008	5.50	2.25	2.60		18.10	
42	080042	02	DƯƠNG VĂN	CHƯƠNG	Nam	06/12/2008	5.00	2.50	1.80		16.80	
43	080043	02	LÊ VĂN	CHƯƠNG	Nam	28/12/2008	4.75	2.25	1.30		15.30	
44	080044	02	PHẠM VĂN	CÔNG	Nam	09/11/2007	4.00	1.50	1.80		12.80	
45	080045	02	CAO PHÚ	CƯỜNG	Nam	06/02/2008	6.50	6.50	2.80		28.80	
46	080046	02	NGUYỄN TẤN	CƯỜNG	Nam	20/05/2008	3.75	2.00	1.30		12.80	
47	080047	02	ĐẶNG HỒNG	DANH	Nam	10/02/2008	4.75	2.00	2.20		15.70	
48	080048	02	ĐỖ THÀNH	DANH	Nam	30/05/2008	5.75	6.00	2.80		26.30	
49	080049	03	NGUYỄN THÀNH	DANH	Nam	18/07/2008	5.50	5.50	5.90		27.90	
50	080050	03	NGUYỄN THÀNH	DANH	Nam	14/10/2008	3.50	3.75	4.10		18.60	
51	080051	03	PHẠM THÀNH	DANH	Nam	18/02/2008	4.50	3.50	2.40		18.40	
52	080052	03	VÕ NGỌC	DANH	Nam	03/01/2008	2.50	1.25	3.00		10.50	
53	080053	03	ĐỖ NA KIỀU	DIỄM	Nữ	07/04/2008	6.25	6.25	4.00		29.00	
54	080054	03	TRẦN THỊ NGỌC	DIỄM	Nữ	06/09/2008	3.50	2.25	4.00		15.50	
55	080055	03	LÊ THỊ HUYỀN	DIỆU	Nữ	12/11/2008	7.00	5.50	5.60		30.60	
56	080056	03	NGUYỄN HUYỀN	DIỆU	Nữ	03/11/2008	6.00	5.00	4.00		26.00	
57	080057	03	PHẠM THỊ XUÂN	DIỆU	Nữ	28/10/2008	6.00	6.25	4.90		29.40	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh			
58	080058	03	NGUYỄN THỊ MỸ	DUNG	Nữ	10/03/2008	6.00	5.25	5.10		27.60	
59	080059	03	NGUYỄN THÙY	DUNG	Nữ	02/10/2008	5.75	2.75	4.20		21.20	
60	080060	03	NGUYỄN PHƯƠNG	DUY	Nam	15/10/2008	6.50	5.25	6.30		29.80	
61	080061	03	NGUYỄN VŨ ĐỨC	DUY	Nam	07/11/2007	2.75	2.50	3.50		14.00	
62	080062	03	TRƯƠNG QUANG	DUY	Nam	04/10/2008	3.75	1.75	4.20		15.20	
63	080063	03	NGUYỄN THỊ CẨM	DUYÊN	Nữ	03/01/2008	3.50	3.50	3.50		17.50	
64	080064	03	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYÊN	Nữ	08/08/2008	5.00	5.00	4.00		24.00	
65	080065	03	PHÙNG TRẦN THÙY	DUYÊN	Nữ	16/10/2008	5.50	4.25	4.30		23.80	
66	080066	03	VÕ KHÁNH	DUYÊN	Nữ	25/07/2008	6.00	4.75	4.00		25.50	
67	080067	03	ĐỖ TẤN	DŨNG	Nam	10/09/2008	6.25	6.25	4.90		29.90	
68	080068	03	NGUYỄN TRUNG	DŨNG	Nam	12/03/2008	6.00	6.00	5.00		29.00	
69	080069	03	CAO ĐỨC	DƯƠNG	Nam	19/02/2008	4.25	1.00	3.50		14.00	
70	080070	03	NGUYỄN MINH	DƯƠNG	Nam	29/09/2008	5.25	4.75	2.50		22.50	
71	080071	03	VÕ ĐÌNH	DƯƠNG	Nam	11/07/2008	6.00	6.75	7.20		32.70	
72	080072	03	ĐỖ VĂN	DỰ	Nam	27/07/2008	3.75	5.25	4.20		22.20	
73	080073	04	LÊ THỊ	ĐÀO	Nữ	13/10/2008	4.75	1.75	2.40		15.40	
74	080074	04	VÕ TẤN	ĐẠI	Nam	13/03/2008	6.50	7.25	3.30		30.80	
75	080075	04	LÊ TIẾN	ĐẠT	Nam	16/11/2008	2.00	1.00	4.40		10.40	
76	080076	04	NGUYỄN QUỐC	ĐẠT	Nam	27/12/2008	4.00	3.00	2.80		16.80	
77	080077	04	NGUYỄN VIẾT	ĐẠT	Nam	24/02/2008	5.75	7.00	3.90		29.40	
78	080078	04	PHAN THÀNH	ĐẠT	Nam	19/10/2008	4.00	2.75	2.40		15.90	
79	080079	04	TRẦN CHÍ	ĐẠT	Nam	06/09/2008	4.25	3.50	2.60		18.10	
80	080080	04	VÕ CÔNG	ĐÌNH	Nam	03/02/2008	7.25	4.75	2.80		26.80	
81	080081	04	PHẠM THÀNH	ĐÚNG	Nam	08/02/2008	2.25	4.00	3.10		15.60	
82	080082	04	NGUYỄN	ĐỨC	Nam	29/07/2008	5.50	6.00	6.70		29.70	
83	080083	04	NGUYỄN HUỲNH	ĐỨC	Nam	23/10/2008	3.50	4.75	4.20		20.70	
84	080084	04	NGUYỄN NHÂN	ĐỨC	Nam	30/11/2008	3.50	2.75	2.20		14.70	
85	080085	04	PHAN BÁ	ĐỨC	Nam	19/08/2008	3.50	1.50	2.40		12.40	
86	080086	04	TRẦN LÊ BÁ	ĐỨC	Nam	22/06/2008	3.50	1.50	2.00		12.00	
87	080087	04	LÊ THỊ CẨM	GIANG	Nữ	04/11/2008	5.75	5.25	4.60		26.60	
88	080088	04	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	GIANG	Nữ	24/02/2008	3.25	1.25	1.70		10.70	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh			
89	080089	04	TRƯƠNG HÀ	GIANG	Nữ	28/09/2008	7.00	5.75	4.40		29.90	
90	080090	04	NGÔ NGUYỄN Y	HA	Nữ	10/02/2008	6.00	4.25	1.90		22.40	
91	080091	04	HUỲNH THỊ HỒNG	HÀ	Nữ	08/01/2008	5.75	3.75	3.00		22.00	
92	080092	04	PHẠM THỊ NGỌC	HÀ	Nữ	20/08/2008	6.25	3.00	2.60		21.10	
93	080093	04	PHẠM NGỌC	HÀO	Nam	18/04/2008	6.00	7.75	4.70		32.20	
94	080094	04	ĐỖ VĂN	HẢI	Nam	18/08/2007	2.00	1.25	3.20		9.70	
95	080095	04	NGUYỄN HOÀNG	HẢI	Nam	18/02/2007	4.50	0.25	1.40		10.90	
96	080096	04	NGUYỄN HỒNG	HẢI	Nam	08/05/2007	3.50	1.75	1.50		12.00	
97	080097	05	NGUYỄN THANH	HẢI	Nam	24/09/2008	5.00	3.25	4.40		20.90	
98	080098	05	PHAN DUY	HẢI	Nam	14/01/2008	6.75	5.75	8.90		33.90	
99	080099	05	VÕ THANH	HẢI	Nam	27/10/2008	5.50	5.00	5.00		26.00	
100	080100	05	HỒ VĂN	HẢO	Nam	26/10/2008	6.00	5.75	6.50		30.00	
101	080101	05	LÊ THỊ MỸ	HẠNH	Nữ	16/07/2008	7.75	2.75	3.00		24.00	
102	080102	05	PHẠM THỊ HỒNG	HẠNH	Nữ	02/02/2008	6.50	5.50	3.70		27.70	
103	080103	05	VÕ THỊ HỒNG	HẠNH	Nữ	20/07/2008	4.00	2.50	2.20		15.20	
104	080104	05	NGUYỄN THỊ DIỄM	HẰNG	Nữ	29/10/2008	7.00	4.00	3.20		25.20	
105	080105	05	PHẠM THỊ THU	HẰNG	Nữ	04/03/2008	4.00	1.25	2.20		12.70	
106	080106	05	NGUYỄN LÊ BẢO	HÂN	Nam	30/08/2008	3.00	1.25	2.00		10.50	
107	080107	05	PHAN THANH HUYỀN	HẬU	Nữ	17/05/2008	5.25	1.25	3.60		16.60	
108	080108	05	LÊ TRUNG	HIẾU	Nam	15/10/2008	5.00	3.25	3.90		20.40	
109	080109	05	NGUYỄN TRỌNG	HIẾU	Nam	12/03/2008	5.75	2.00	2.80		18.30	
110	080110	05	NGUYỄN VĂN	HIẾU	Nam	13/11/2008	4.00	3.75	3.10		18.60	
111	080111	05	VŨ TRỌNG	HIẾU	Nam	11/12/2008	5.75	5.00	2.80		24.30	
112	080112	05	NGUYỄN PHẠM THÚY	HIỀN	Nữ	24/06/2008	5.25	2.25	3.10		18.10	
113	080113	05	PHAN THỊ THANH	HIỀN	Nữ	23/09/2008	5.50	3.25	2.70		20.20	
114	080114	05	PHẠM THỊ	HIỀN	Nữ	12/03/2008	7.00	2.25	2.40		20.90	
115	080115	05	VÕ THỊ THU	HIỀN	Nữ	13/11/2008	7.00	4.50	2.10		25.10	
116	080116	05	NGUYỄN BÙI DUY	HIỆP	Nam	02/05/2008	5.50	1.75	1.60		16.10	
117	080117	05	NGUYỄN SỸ	HIỆP	Nam	12/07/2008	5.50	2.25	3.00		18.50	
118	080118	05	PHẠM THÀNH	HIỆP	Nam	17/12/2008	5.00	3.25	3.40		19.90	
119	080119	05	NGUYỄN NỮ KIM	HIỆU	Nữ	02/05/2008	5.75	3.50	3.20		21.70	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh			
120	080120	05	NGUYỄN THỊ KIỀU	HOANH	Nữ	27/10/2008	6.25	2.75	2.80		20.80	
121	080121	06	HUỲNH NGUYỄN HUY	HOÀNG	Nam	21/07/2008	4.00	5.00	3.30		21.30	
122	080122	06	NGUYỄN DUY	HOÀNG	Nam	03/07/2008	3.25	2.50	4.00		15.50	
123	080123	06	NGUYỄN TRƯƠNG HẢI	HOÀNG	Nam	13/05/2008	3.50	2.50	3.60		15.60	
124	080124	06	PHẠM VĂN	HOÀNG	Nam	12/06/2008	3.75	2.00	2.70		14.20	
125	080125	06	TRẦN KHÁNH	HOÀNG	Nam	19/05/2008	6.75	6.50	4.60		31.10	
126	080126	06	PHẠM AN	HỘI	Nam	19/11/2008	1.75	1.50	3.00		9.50	
127	080127	06	VÕ NGUYỄN XUÂN	HỢP	Nam	18/10/2007	4.25	5.50	3.10		22.60	
128	080128	06	BÙI PHẠM QUỐC	HUY	Nam	01/12/2007	5.75	1.25	2.80		16.80	
129	080129	06	BÙI QUỐC	HUY	Nam	29/10/2008	5.75	5.00	3.40		24.90	
130	080130	06	ĐẶNG THÀNH	HUY	Nam	07/05/2008	5.00	4.00	2.60		20.60	
131	080131	06	NGUYỄN THÀNH	HUY	Nam	30/08/2007	2.75	0.75	1.20		8.20	
132	080132	06	TRẦN VĂN QUỐC	HUY	Nam	02/06/2008	5.25	5.25	3.40		24.40	
133	080133	06	TRỊNH GIA	HUY	Nam	22/10/2008	4.00	2.00	3.60		15.60	
134	080134	06	VÕ QUỐC	HUY	Nam	24/01/2008	5.25	2.50	3.90		19.40	
135	080135	06	VÕ VĂN	HUY	Nam	03/05/2008	6.00	3.75	4.90		24.40	
136	080136	06	ĐẶNG LÊ THANH	HUYỀN	Nữ	19/11/2008	5.00	3.00	3.50		19.50	
137	080137	06	ĐOÀN NGỌC MINH	HUYỀN	Nữ	10/12/2008	6.00	4.25	3.10		23.60	
138	080138	06	ĐỖ NGỌC	HUYỀN	Nữ	28/11/2008	5.75	3.75	2.30		21.30	
139	080139	06	NGUYỄN KHÁNH	HUYỀN	Nữ	02/09/2008	4.00	3.00	1.90		15.90	
140	080140	06	NGUYỄN NỮ KHÁNH	HUYỀN	Nữ	23/10/2008	5.25	5.75	2.00		24.00	
141	080141	06	NGUYỄN THỊ MINH	HUYỀN	Nữ	13/08/2008	5.25	2.50	3.70		19.20	
142	080142	06	TRƯƠNG MỸ	HUYỀN	Nữ	17/02/2008	7.00	7.50	6.20		35.20	
143	080143	06	TRƯƠNG VÕ NGỌC	HUYỀN	Nữ	21/07/2008	8.00	2.00	6.50		26.50	
144	080144	06	TRƯƠNG QUANG	HUYN	Nam	12/05/2008	2.50	2.75	4.40		14.90	
145	080145	07	NGUYỄN TẤN	HÙNG	Nam	06/08/2008	3.50	4.50	3.70		19.70	
146	080146	07	PHẠM TẤN	HÙNG	Nam	14/11/2007	3.00	1.75	3.00		12.50	
147	080147	07	LÊ CHÍ	HUNG	Nam	12/10/2008	4.50	3.00	2.00		17.00	
148	080148	07	LÊ VĂN	HUNG	Nam	30/10/2008	3.00	2.00	3.30		13.30	
149	080149	07	LÊ VĂN	HUNG	Nam	30/11/2008	4.00	1.75	3.10		14.60	
150	080150	07	NGUYỄN GIA	HUNG	Nam	21/07/2008	5.00	5.25	3.60		24.10	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh			
151	080151	07	NGUYỄN KHÁNH	HƯNG	Nam	03/08/2008	3.75	2.00	2.90		14.40	
152	080152	07	NGUYỄN TẤN	HƯNG	Nam	27/07/2008	5.00	7.25	4.90		29.40	
153	080153	07	PHẠM KHÁNH	HƯNG	Nam	17/10/2008	5.25	2.50	2.90		18.40	
154	080154	07	TIÊU DƯƠNG VIẾT	HƯNG	Nam	30/09/2008	6.00	6.25	3.00		27.50	
155	080155	07	TRẦN QUỐC	HƯNG	Nam	01/06/2008	4.75	4.00	5.00		22.50	
156	080156	07	VÕ TUẤN	HƯNG	Nam	17/08/2008	5.50	4.50	3.80		23.80	
157	080157	07	ĐỖ THỊ XUÂN	HƯƠNG	Nữ	09/12/2008	7.50	6.75	5.40		33.90	
158	080158	07	HUỲNH THỊ KIM	HƯƠNG	Nữ	03/09/2008	5.00	3.50	3.70		20.70	
159	080159	07	NGUYỄN HOÀI	HƯƠNG	Nữ	26/05/2008	6.50	2.00	2.10		19.10	
160	080160	07	VÕ THỊ QUỲNH	HƯƠNG	Nữ	07/02/2008	4.50	3.25	2.70		18.20	
161	080161	07	VÕ THỊ THU	HƯƠNG	Nữ	12/10/2008	4.75	5.00	3.20		22.70	
162	080162	07	TRẦN THỊ MINH	KHA	Nữ	27/10/2008	4.00	3.25	4.70		19.20	
163	080163	07	NGUYỄN THỊ MINH	KHAI	Nữ	07/03/2008	5.00	3.25	4.90		21.40	
164	080164	07	ĐỖ LÊ TUẤN	KHAN	Nam	08/09/2008	5.00	3.00	7.30		23.30	
165	080165	07	LÊ PHẠM NGỌC	KHANG	Nam	16/01/2008	3.50	2.00	2.20		13.20	
166	080166	07	LÊ PHẠM THÁI	KHANG	Nam	11/03/2008	4.00	3.00	2.30		16.30	
167	080167	07	LÊ TRẦN DƯƠNG	KHANG	Nam	07/06/2008	3.50	1.25	3.10		12.60	
168	080168	07	PHẠM LÂM CHẤN	KHANG	Nam	02/08/2006	1.25	0.25	2.30		5.30	
169	080169	08	PHẠM THÁI	KHANG	Nam	28/05/2008	3.75	1.00	1.90		11.40	
170	080170	08	TRƯƠNG VŨ	KHANG	Nam	30/10/2008	4.00	1.00	1.00		11.00	
171	080171	08	LƯƠNG CÔNG	KHANH	Nam	31/12/2008	3.50	1.50	2.20		12.20	
172	080172	08	ĐỖ TRƯƠNG QUỐC	KHÁNH	Nam	05/03/2008	5.00	2.25	4.40		18.90	
173	080173	08	TRƯƠNG QUANG	KHÁNH	Nam	15/08/2007	2.75	3.75	1.50		14.50	
174	080174	08	PHẠM LÊ TUẤN	KHẢI	Nam	10/06/2008	5.25	6.00	4.10		26.60	
175	080175	08	TRẦN ĐÌNH	KHẢI	Nam	13/10/2008	4.50	2.75	2.50		17.00	
176	080176	08	TRẦN QUANG	KHẢI	Nam	17/09/2008	5.00	3.00	3.70		19.70	
177	080177	08	PHẠM NGUYỄN GIA	KHIÊM	Nam	14/12/2008	4.00	2.75	4.10		17.60	
178	080178	08	ĐẶNG VĂN	KHOA	Nam	08/02/2008	7.25	6.50	6.80		34.30	
179	080179	08	ĐỖ ANH	KHOA	Nam	19/01/2008	5.75	2.00	2.00		17.50	
180	080180	08	ĐỖ ĐĂNG	KHOA	Nam	30/08/2008	5.25	3.75	2.90		20.90	
181	080181	08	ĐỖ TẤN CAO	KHOA	Nam	08/06/2008	5.50	3.25	2.50		20.00	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh			
182	080182	08	LÊ ANH	KHOA	Nam	26/10/2008	5.25	5.50	2.90		24.40	
183	080183	08	NGUYỄN LÝ ANH	KHOA	Nam	23/10/2008	5.00	5.25	3.50		24.00	
184	080184	08	NGUYỄN TRẦN CÔNG	KHOA	Nam	28/04/2008	4.75	1.25	1.10		13.10	
185	080185	08	PHẠM VIẾT	KHOA	Nam	25/05/2008	3.00	1.50	1.60		10.60	
186	080186	08	TRƯƠNG ĐÌNH	KHOA	Nam	28/06/2007	3.00	0.50	2.10		9.10	
187	080187	08	ĐỖ MINH	KHUÊ	Nữ	19/10/2008	7.00	6.75	8.70		36.20	
188	080188	08	CAO THỊ THÚY	KIỀU	Nữ	22/09/2008	5.25	5.50	3.20		24.70	
189	080189	08	NGUYỄN THỊ VIỆT	KIỀU	Nữ	15/04/2008	5.75	5.25	4.20		26.20	
190	080190	08	PHẠM THỊ THANH	KIỀU	Nữ	05/09/2008	4.75	1.25	2.40		14.40	
191	080191	08	LÊ TẤN	KIỆT	Nam	18/05/2008	4.50	2.75	2.30		16.80	
192	080192	08	NGUYỄN ANH	KIỆT	Nam	04/04/2008	5.50	2.00	1.80		16.80	
193	080193	09	NGUYỄN HUỲNH TUẤN	KIỆT	Nam	09/09/2007	3.50	2.25	2.30		13.80	
194	080194	09	PHẠM TRẦN HY	KIỆT	Nam	20/09/2008	2.00	2.00	2.00		10.00	
195	080195	09	HUỲNH MINH	KỲ	Nam	26/12/2008	4.00	2.75	3.80		17.30	
196	080196	09	NGUYỄN THỊ	LẮM	Nữ	03/08/2008	6.75	3.25	3.90		23.90	
197	080197	09	PHAN VĂN	LÂM	Nam	13/10/2008	4.00	1.00	2.40		12.40	
198	080198	09	VÕ VĂN	LÂM	Nam	06/09/2008	5.75	5.00	4.40		25.90	
199	080199	09	NGÔ THỊ MỸ	LỆ	Nữ	31/10/2008	5.00	1.75	2.10		15.60	
200	080200	09	VÕ THỊ KIM	LIÊN	Nữ	16/10/2008	4.25	3.75	4.00		20.00	
201	080201	09	PHẠM KIM SU	LIN	Nữ	14/02/2008	6.50	3.50	3.60		23.60	
202	080202	09	NGUYỄN LÊ CHÍ	LINH	Nam	09/01/2008	5.50	3.25	3.60		21.10	
203	080203	09	NGUYỄN TẤN	LINH	Nam	30/01/2008	6.00	6.00	4.80		28.80	
204	080204	09	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	Nữ	08/11/2008	5.75	3.75	3.40		22.40	
205	080205	09	PHAN PHẠM MAI	LINH	Nữ	08/05/2008	2.50	2.50	2.70		12.70	
206	080206	09	PHAN THỊ THÙY	LINH	Nữ	28/03/2008	3.00	4.75	2.40		17.90	
207	080207	09	PHẠM ĐỖ THỤC	LINH	Nữ	15/08/2008	4.00	2.00	1.70		13.70	
208	080208	09	VÕ VĂN	LINH	Nam	23/09/2008	5.75	5.25	3.40		25.40	
209	080209	09	LÊ ĐỨC	LONG	Nam	27/10/2008	3.00	1.00	2.80		10.80	
210	080210	09	LƯƠNG THIỆN	LONG	Nam	14/11/2008	2.00	1.00	Vắng			
211	080211	09	NGUYỄN VĂN	LONG	Nam	23/02/2008	2.75	1.25	2.70		10.70	
212	080212	09	PHẠM THÀNH	LONG	Nam	05/09/2008	5.00	5.00	3.20		23.20	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh			
213	080213	09	NGUYỄN TẤN	LỘC	Nam	10/12/2008	3.00	4.50	3.30		18.30	
214	080214	09	ĐỖ NỮ ĐIỆP	LỢI	Nữ	19/04/2008	6.00	3.00	1.60		19.60	
215	080215	09	NGUYỄN CAO	LỢI	Nam	30/11/2008	5.00	4.75	3.40		22.90	
216	080216	09	NGUYỄN TẤN	LỢI	Nam	26/11/2008	5.50	4.25	2.40		21.90	
217	080217	10	PHẠM THỊ HỒNG	LỢI	Nữ	10/03/2008	5.50	3.00	3.00		20.00	
218	080218	10	NGÔ THÀNH	LUÂN	Nam	16/09/2008	4.00	4.00	3.70		19.70	
219	080219	10	LÝ VĂN	LUNG	Nam	29/08/2008	3.50	0.50	2.20		10.20	
220	080220	10	LÝ PHẠM NGỌC	LUYẾN	Nữ	17/06/2008	4.50	3.25	3.70		19.20	
221	080221	10	LÊ VŨ DIỆU	LY	Nữ	20/12/2008	4.50	4.50	5.80		23.80	
222	080222	10	LÊ THỊ LY	LY	Nữ	23/03/2008	5.00	3.50	5.30		22.30	
223	080223	10	TRƯƠNG PHẠM TRÚC	LY	Nữ	07/12/2008	3.25	2.75	4.90		16.90	
224	080224	10	NGUYỄN THỊ XUÂN	MAI	Nữ	07/11/2008	3.00	3.50	4.50		17.50	
225	080225	10	TRẦN MỸ THỊ NHƯ	MÃI	Nữ	23/04/2008	7.25	4.00	3.40		25.90	
226	080226	10	NGUYỄN THỊ	MẾN	Nữ	22/04/2008	3.50	2.50	3.40		15.40	
227	080227	10	TRẦN THỊ THÚY	MỊ	Nữ	25/09/2008	5.75	4.75	3.40		24.40	
228	080228	10	ĐẶNG TRÀ	MY	Nữ	05/09/2008	3.50	2.75	3.10		15.60	
229	080229	10	ĐOÀN THỊ TRÀ	MY	Nữ	24/01/2008	5.50	2.75	2.10		18.60	
230	080230	10	LÊ ĐẶNG TRÀ	MY	Nữ	05/02/2008	5.00	2.50	2.80		17.80	
231	080231	10	NGUYỄN LÊ TRÀ	MY	Nữ	21/05/2008	3.50	3.25	3.00		16.50	
232	080232	10	NGUYỄN PHẠM DIỆU	MY	Nữ	27/04/2008	5.25	6.00	7.40		29.90	
233	080233	10	NGUYỄN THỊ HÀ	MY	Nữ	19/05/2008	4.75	4.00	4.10		21.60	
234	080234	10	BÙI THỊ KIM	MỸ	Nữ	21/11/2008	3.25	2.75	2.40		14.40	
235	080235	10	LÊ NGUYỄN HOÀNG	MỸ	Nữ	23/09/2008	6.50	5.75	6.10		30.60	
236	080236	10	ĐẶNG THỊ BÍCH	NA	Nữ	17/06/2008	4.75	3.50	3.90		20.40	
237	080237	10	LÊ THỊ TỐ	NA	Nữ	22/02/2008	4.25	5.75	6.50		26.50	
238	080238	10	NGUYỄN MY	NA	Nữ	16/02/2008	3.00	2.00	3.10		13.10	
239	080239	10	NGUYỄN NỮ A	NA	Nữ	16/07/2008	3.00	3.25	2.50		15.00	
240	080240	10	NGUYỄN TRẦN THỊ LY	NA	Nữ	24/08/2008	3.00	2.25	2.10		12.60	
241	080241	11	PHÙNG THỊ LY	NA	Nữ	16/11/2008	6.00	6.50	3.80		28.80	
242	080242	11	TRẦN THỊ	NA	Nữ	03/02/2008	6.75	6.25	5.90		31.90	
243	080243	11	VÕ THỊ MY	NA	Nữ	15/07/2008	6.25	4.00	2.30		22.80	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh			
244	080244	11	LÊ VĂN	NAM	Nam	10/03/2008	5.00	1.50	3.00		16.00	
245	080245	11	NGUYỄN HOÀI	NAM	Nam	23/06/2008	4.50	5.00	3.80		22.80	
246	080246	11	NGUYỄN PHAN HOÀI	NAM	Nam	01/01/2008	3.00	2.00	2.90		12.90	
247	080247	11	PHẠM BẢO	NAM	Nam	26/11/2008	3.50	1.50	2.00		12.00	
248	080248	11	TRẦN HOÀ	NAM	Nam	22/04/2008	3.50	1.75	2.70		13.20	
249	080249	11	TRƯƠNG QUANG	NAM	Nam	21/11/2008	3.25	1.75	1.60		11.60	
250	080250	11	VÕ PHƯƠNG	NAM	Nam	29/04/2006	2.50	2.25	2.60		12.10	
251	080251	11	NGUYỄN THỊ THANH	NGA	Nữ	02/08/2008	5.50	4.25	3.80		23.30	
252	080252	11	PHẠM THANH	NGA	Nữ	12/07/2008	6.75	4.25	3.40		25.40	
253	080253	11	TRẦN THỊ THANH	NGA	Nữ	16/12/2008	3.75	2.75	3.10		16.10	
254	080254	11	HUỲNH THỊ KIM	NGÂN	Nữ	20/03/2008	5.25	3.50	3.10		20.60	
255	080255	11	NGUYỄN BÙI THU	NGÂN	Nữ	08/07/2008	5.25	3.75	2.40		20.40	
256	080256	11	TRẦN MAI KHÁNH	NGÂN	Nữ	14/09/2008	6.25	2.00	2.80		19.30	
257	080257	11	VÕ NGUYỄN THU	NGÂN	Nữ	18/04/2008	5.25	2.75	3.00		19.00	
258	080258	11	VÕ THỊ KIM	NGÂN	Nữ	17/09/2008	5.00	5.75	3.50		25.00	
259	080259	11	LÊ NGUYỄN TẤN	NGHĨA	Nam	04/11/2008	5.25	3.00	2.20		18.70	
260	080260	11	NGUYỄN TRỌNG	NGHĨA	Nam	19/02/2008	6.00	4.25	4.70		25.20	
261	080261	11	PHẠM TRUNG	NGHĨA	Nam	26/08/2008	7.50	7.75	5.10		35.60	
262	080262	11	TRẦN ĐẠI	NGHĨA	Nam	22/05/2008	3.50	3.00	2.70		15.70	
263	080263	11	TRẦN PHƯỚC	NGHĨA	Nam	06/09/2008	7.00	6.75	4.40		31.90	NV2_TXA
264	080264	11	ĐỖ TẤN	NGỌC	Nam	23/07/2008	2.75	3.75	2.90		15.90	
265	080265	12	HỒ TẤN	NGỌC	Nam	13/08/2007	Vắng	Vắng	Vắng			
266	080266	12	LÝ THỊ THU	NGỌC	Nữ	22/10/2008	4.25	1.00	2.30		12.80	
267	080267	12	NGÔ PHẠM NHƯ	NGỌC	Nữ	04/08/2008	7.00	4.00	2.40		24.40	
268	080268	12	NGUYỄN HOÀNG BÍCH	NGỌC	Nữ	12/03/2008	6.00	1.00	2.40		16.40	
269	080269	12	NGUYỄN THỊ NHƯ	NGỌC	Nữ	11/05/2008	5.50	3.75	1.60		20.10	
270	080270	12	NGUYỄN THỊ NHƯ	NGỌC	Nữ	23/04/2008	6.50	4.25	2.80		24.30	
271	080271	12	PHẠM THỊ NHƯ	NGỌC	Nữ	17/11/2008	6.25	3.00	3.50		22.00	
272	080272	12	VÕ NHƯ	NGỌC	Nữ	26/05/2008	6.50	4.00	3.60		24.60	
273	080273	12	LÊ THỊ THẢO	NGUYÊN	Nữ	22/06/2008	6.25	4.00	2.70		23.20	
274	080274	12	PHẠM NGỌC	NGUYÊN	Nam	08/10/2008	6.25	2.50	2.40		19.90	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh			
275	080275	12	PHẠM NGUYỄN THANH	NGUYÊN	Nam	09/06/2008	5.50	4.25	2.00		21.50	
276	080276	12	TRƯƠNG THỊ KIM	NGUYÊN	Nữ	06/02/2008	3.50	1.00	2.50		11.50	
277	080277	12	HỒ THỊ NHƯ	NGUYỆT	Nữ	23/06/2008	5.00	4.75	2.60		22.10	
278	080278	12	ĐOÀN NGUYỄN TRUNG	NHÂN	Nam	14/02/2008	5.50	2.75	2.80		19.30	
279	080279	12	HUỲNH LÊN	NHÂN	Nam	26/09/2008	4.50	2.50	2.40		16.40	
280	080280	12	LÊ TRỌNG	NHÂN	Nam	16/01/2008	6.50	6.00	5.60		30.60	
281	080281	12	NGUYỄN DUY	NHÂN	Nam	14/04/2008	5.00	3.50	3.20		20.20	
282	080282	12	NGUYỄN DUY	NHÂN	Nam	28/12/2008	5.50	1.00	2.30		15.30	
283	080283	12	NGUYỄN HỮU	NHÂN	Nam	16/07/2008	4.50	3.50	2.50		18.50	
284	080284	12	VÕ THÀNH	NHÂN	Nam	30/07/2008	6.25	5.25	2.80		25.80	
285	080285	12	PHẠM THỊ KIM	NHẬT	Nữ	05/05/2008	5.00	3.00	3.70		19.70	
286	080286	12	ĐINH THỊ YẾN	NHI	Nữ	10/03/2008	6.50	6.50	3.90		29.90	
287	080287	12	ĐINH TRẦN YẾN	NHI	Nữ	01/01/2008	3.50	2.50	1.90		13.90	
288	080288	12	ĐỖ THỊ YẾN	NHI	Nữ	18/12/2008	7.00	4.25	3.60		26.10	
289	080289	13	NGÔ THỊ YẾN	NHI	Nữ	24/05/2008	6.75	3.75	4.00		25.00	
290	080290	13	NGUYỄN PHẠM GIA	NHI	Nữ	16/10/2008	5.75	3.25	3.30		21.30	
291	080291	13	NGUYỄN LÝ HẠO	NHIÊN	Nam	03/03/2008	2.50	2.50	1.20		11.20	
292	080292	13	HUỲNH THỊ NGỌC	NHUNG	Nữ	17/06/2008	4.75	3.25	1.90		17.90	
293	080293	13	BÙI THỊ KIM	NHƯ	Nữ	27/11/2008	2.75	2.75	2.50		13.50	
294	080294	13	BÙI VÕ GIA	NHƯ	Nữ	30/10/2008	5.25	3.75	2.70		20.70	
295	080295	13	CAO THỊ QUỲNH	NHƯ	Nữ	02/03/2008	5.50	3.50	2.30		20.30	
296	080296	13	LÊ NGUYỄN QUỲNH	NHƯ	Nữ	23/01/2008	2.75	2.00	2.00		11.50	
297	080297	13	NGUYỄN YẾN	NHƯ	Nữ	30/12/2008	5.50	2.00	2.70		17.70	
298	080298	13	TRẦN HUỲNH	NHƯ	Nữ	07/08/2008	5.50	3.00	2.40		19.40	
299	080299	13	VÕ NGUYỄN Ý	NHƯ	Nữ	01/03/2008	5.00	2.75	2.90		18.40	
300	080300	13	VŨ TRẦN MINH	NHƯ	Nữ	19/01/2008	5.25	4.50	4.10		23.60	
301	080301	13	BÙI LÊ HOÀNG	NƯƠNG	Nữ	18/10/2008	5.50	3.50	2.50		20.50	
302	080302	13	ĐỖ THỊ KIM	NƯƠNG	Nữ	16/02/2008	5.50	1.50	2.40		16.40	
303	080303	13	PHẠM HUỆ	NƯƠNG	Nữ	02/02/2008	4.25	4.25	3.10		20.10	
304	080304	13	NGUYỄN DƯƠNG PHƯƠNG	OANH	Nữ	16/03/2008	6.00	4.00	3.20		23.20	
305	080305	13	NGUYỄN THỊ KIỀU	OANH	Nữ	10/07/2008	4.00	4.25	4.20		20.70	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh			
306	080306	13	NGUYỄN MẠNH	PHÁP	Nam	13/05/2008	5.25	3.75	3.60		21.60	
307	080307	13	CAO DUY	PHÁT	Nam	21/03/2008	4.75	4.00	2.90		20.40	
308	080308	13	TRẦN	PHÁT	Nam	08/10/2008	5.75	3.25	3.20		21.20	
309	080309	13	VÕ THỊNH	PHÁT	Nam	26/10/2008	6.50	3.50	3.40		23.40	
310	080310	13	LÊ HỒNG	PHONG	Nam	08/01/2008	1.50	1.00	1.90		6.90	
311	080311	13	TRƯƠNG HOÀNG	PHONG	Nam	30/06/2008	5.75	3.25	1.90		19.90	
312	080312	13	HUỲNH TẤN	PHÔNG	Nam	09/04/2008	3.50	4.50	3.00		19.00	
313	080313	14	NGUYỄN HỮU	PHÔNG	Nam	12/03/2007	4.75	1.50	3.90		16.40	
314	080314	14	LÊ MINH	PHÚ	Nam	12/11/2008	5.25	5.00	4.10		24.60	
315	080315	14	NGUYỄN MINH	PHÚ	Nam	01/02/2008	5.00	3.00	4.30		20.30	
316	080316	14	NGUYỄN NGỌC	PHÚ	Nam	29/03/2008	5.50	7.00	7.40		32.40	
317	080317	14	ĐINH NGỌC	PHÚC	Nữ	27/08/2008	5.25	1.50	3.80		17.30	
318	080318	14	LÊ HOÀN	PHÚC	Nam	24/08/2008	6.50	5.00	4.00		27.00	
319	080319	14	NGUYỄN VĂN	PHÚC	Nam	20/01/2008	5.00	1.00	3.60		15.60	
320	080320	14	NGUYỄN Y	PHÚC	Nữ	25/06/2008	3.00	3.75	3.80		17.30	
321	080321	14	PHẠM	PHÚC	Nam	17/09/2008	4.00	1.25	3.60		14.10	
322	080322	14	PHẠM VIẾT	PHỤNG	Nam	26/06/2008	3.00	2.25	3.60		14.10	
323	080323	14	HUỲNH THANH	PHƯƠNG	Nam	27/04/2007	4.00	0.25	2.40		10.90	
324	080324	14	LÊ THANH	PHƯƠNG	Nam	03/09/2008	5.75	7.00	6.00		31.50	
325	080325	14	NGUYỄN THỊ MINH	PHƯƠNG	Nữ	16/09/2008	5.00	4.00	3.80		21.80	
326	080326	14	TRẦN THÚY	PHƯƠNG	Nữ	14/05/2008	6.00	3.00	4.00		22.00	
327	080327	14	LÊ	PHƯỚC	Nam	01/03/2008	4.50	2.75	4.20		18.70	
328	080328	14	NGUYỄN HỮU	PHƯỚC	Nam	15/03/2008	4.75	2.75	3.20		18.20	
329	080329	14	NGUYỄN TẤN	PHƯỚC	Nam	07/09/2008	6.75	3.50	2.70		23.20	
330	080330	14	NGUYỄN VĂN	PHƯỚC	Nam	23/12/2008	3.50	1.75	2.80		13.30	
331	080331	14	PHẠM ĐÌNH	PHƯỚC	Nam	21/02/2008	6.00	6.00	3.10		27.10	
332	080332	14	TRẦN TẤN	PHƯỚC	Nam	22/04/2008	4.25	1.75	2.90		14.90	
333	080333	14	PHÙNG THỊ BÍCH	PHƯỢNG	Nữ	21/05/2008	4.00	1.25	2.30		12.80	
334	080334	14	ĐÀO VÕ NHẬT	PIN	Nam	20/10/2008	3.75	4.25	3.60		19.60	
335	080335	14	NGUYỄN MINH	QUÂN	Nam	16/10/2008	3.50	2.75	2.70		15.20	
336	080336	14	PHẠM LÊ ANH	QUỐC	Nam	19/12/2008	3.50	1.75	3.20		13.70	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh			
337	080337	15	HUỲNH THẢO	QUYÊN	Nữ	18/05/2007	2.50	3.50	2.60		14.60	
338	080338	15	PHAN THỊ	QUYÊN	Nữ	16/03/2008	5.75	6.00	6.90		30.40	
339	080339	15	PHẠM VŨ THẢO	QUYÊN	Nữ	07/07/2008	5.25	6.25	3.40		26.40	
340	080340	15	TÔN NỮ THUYỀN	QUYÊN	Nữ	09/05/2008	7.50	4.00	5.10		28.10	
341	080341	15	HUỲNH NHẬT PHÚ	QUÝ	Nam	20/03/2008	6.25	5.50	4.50		28.00	
342	080342	15	DƯƠNG THỊ DIỄM	QUỲNH	Nữ	06/12/2008	5.00	4.25	2.00		20.50	
343	080343	15	LÊ ĐỖ NHƯ	QUỲNH	Nữ	13/07/2008	5.75	2.25	2.70		18.70	
344	080344	15	LÊ NGUYỄN DIỄM	QUỲNH	Nữ	28/09/2008	3.00	3.25	2.60		15.10	
345	080345	15	NGUYỄN XUÂN	QUỲNH	Nam	22/02/2008	4.25	2.50	1.60		15.10	
346	080346	15	PHẠM ĐỖ NHƯ	QUỲNH	Nữ	23/03/2008	5.50	5.50	3.60		25.60	
347	080347	15	TRẦN LÊ DIỄM	QUỲNH	Nữ	03/04/2008	5.00	4.00	3.20		21.20	
348	080348	15	NGUYỄN VÕ TẤN	SANG	Nam	25/10/2008	2.25	0.00	1.20		5.70	
349	080349	15	NGUYỄN QUANG	SÁNG	Nam	25/10/2008	4.50	5.25	3.80		23.30	
350	080350	15	VÕ QUANG	SÁNG	Nam	15/11/2008	5.25	5.00	2.40		22.90	
351	080351	15	CAO THANH	SƠN	Nam	23/02/2008	1.75	2.75	2.00		11.00	
352	080352	15	LÝ THÀNH	SƠN	Nam	20/09/2008	1.00	0.50	1.30		4.30	
353	080353	15	VÕ VĂN	SƠN	Nam	15/07/2008	4.50	2.50	3.20		17.20	
354	080354	15	TRẦN ĐÌNH	TÀI	Nam	03/12/2008	5.25	5.75	4.80		26.80	
355	080355	15	VÕ CHÍ	THANH	Nam	19/03/2008	4.25	4.00	3.20		19.70	
356	080356	15	HỒ TẤN	THÀNH	Nam	08/03/2008	5.00	5.75	4.80		26.30	
357	080357	15	LÊ QUANG	THÀNH	Nam	17/03/2008	4.00	4.00	3.60		19.60	
358	080358	15	LƯƠNG TẤN	THÀNH	Nam	05/02/2008	3.25	3.50	1.50		15.00	
359	080359	15	TRẦN ĐỨC	THÀNH	Nam	01/05/2008	5.75	3.00	2.40		19.90	
360	080360	15	ĐỖ THỊ PHƯƠNG	THẢO	Nữ	23/03/2008	8.75	7.00	8.30		39.80	
361	080361	16	HỒ THANH	THẢO	Nữ	10/12/2008	6.50	5.25	2.20		25.70	
362	080362	16	NGUYỄN VĂN	THẢO	Nam	15/07/2008	4.50	2.50	3.10		17.10	
363	080363	16	NGUYỄN THANH	THẢO	Nữ	25/06/2008	5.50	4.25	4.70		24.20	
364	080364	16	NGUYỄN THỊ DIỆU	THẢO	Nữ	20/08/2008	5.00	4.00	4.60		22.60	
365	080365	16	NGUYỄN THỊ NGỌC	THẢO	Nữ	14/10/2008	4.50	4.00	4.50		21.50	
366	080366	16	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	Nữ	09/11/2008	7.50	3.25	4.70		26.20	
367	080367	16	PHAN PHƯƠNG	THẢO	Nữ	30/08/2008	5.50	5.25	4.40		25.90	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh			
368	080368	16	PHAN THANH PHƯƠNG	THẢO	Nữ	30/12/2008	7.50	3.00	4.60		25.60	
369	080369	16	VÕ QUỐC	THẢO	Nam	03/01/2008	6.00	2.50	4.20		21.20	
370	080370	16	TRẦN VĂN	THẠNH	Nam	26/08/2008	3.50	2.00	4.60		15.60	
371	080371	16	VÕ TRẦN XUÂN	THẮNG	Nam	27/10/2008	6.25	6.00	4.10		28.60	
372	080372	16	NGUYỄN CHÍ	THÂN	Nam	24/06/2008	5.25	2.25	2.50		17.50	
373	080373	16	QUẢNG TRỌNG	THIÊN	Nam	29/04/2008	4.00	6.75	4.60		26.10	
374	080374	16	TRẦN MINH	THIÊN	Nam	13/04/2008	7.50	3.00	5.10		26.10	
375	080375	16	VÕ DUY	THIÊN	Nam	29/11/2008	6.50	4.00	4.50		25.50	
376	080376	16	VÕ HỒNG NHẤT	THIÊN	Nam	18/07/2008	7.00	3.00	3.70		23.70	
377	080377	16	LÊ CÔNG	THIỆN	Nam	29/07/2008	3.00	2.00	1.50		11.50	
378	080378	16	NGUYỄN CHÍ	THIỆN	Nam	06/09/2008	5.25	1.50	2.30		15.80	
379	080379	16	NGUYỄN DUY	THIỆN	Nam	15/04/2007	3.50	2.75	1.80		14.30	
380	080380	16	NGUYỄN THỊ	THIỆT	Nữ	06/07/2008	4.00	4.75	2.40		19.90	
381	080381	16	HUỲNH BÁ	THỊNH	Nam	19/04/2008	5.50	3.75	3.50		22.00	
382	080382	16	PHAN HUỲNH TIẾN	THỊNH	Nam	03/04/2008	6.50	7.50	6.90		34.90	
383	080383	16	PHẠM HỮU	THỊNH	Nam	19/01/2008	5.50	2.50	5.90		21.90	
384	080384	16	PHẠM TIẾN	THỊNH	Nam	17/08/2008	7.50	7.25	7.40		36.90	
385	080385	17	NGUYỄN THỊ KIM	THOA	Nữ	25/01/2008	5.00	6.75	6.00		29.50	
386	080386	17	LÝ ANH	THỌ	Nam	22/09/2008	4.00	0.00	2.60		10.60	
387	080387	17	BÙI THANH	THỐNG	Nam	20/09/2008	3.75	5.75	4.10		23.10	
388	080388	17	LÝ NHẤT	THỐNG	Nam	20/09/2008	4.50	2.75	1.60		16.10	
389	080389	17	PHẠM HÀ ANH	THƠ	Nữ	13/01/2008	4.75	3.25	4.00		20.00	
390	080390	17	VÕ MINH	THU	Nữ	06/01/2008	6.50	5.00	5.70		28.70	
391	080391	17	DƯƠNG PHAN CẨM	THÚY	Nữ	26/04/2008	6.75	5.00	4.20		27.70	
392	080392	17	NGUYỄN THANH	THÚY	Nữ	18/11/2008	6.25	2.25	3.90		20.90	
393	080393	17	NGUYỄN THỊ THU	THÚY	Nữ	09/10/2008	6.50	5.50	2.70		26.70	
394	080394	17	NGUYỄN THỊ THU	THÚY	Nữ	01/09/2008	5.75	3.50	3.50		22.00	
395	080395	17	TRẦN THỊ ÁNH	THÚY	Nữ	18/05/2008	4.75	3.00	3.10		18.60	
396	080396	17	PHẠM PHƯƠNG	THÙY	Nữ	19/04/2008	7.50	4.25	3.20		26.70	
397	080397	17	LÊ NGỌC THANH	THỦY	Nữ	09/01/2008	3.75	0.50	3.00		11.50	
398	080398	17	LƯƠNG HỒ NHƯ	THỦY	Nữ	25/08/2008	6.75	5.25	4.00		28.00	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh			
399	080399	17	PHẠM HỒNG	THỦY	Nam	22/05/2008	5.25	2.00	2.60		17.10	
400	080400	17	VÕ THỊ XUÂN	THỦY	Nữ	02/10/2008	6.00	6.25	4.10		28.60	
401	080401	17	ĐÀM THỊ ANH	THƯ	Nữ	06/08/2008	5.50	4.25	3.00		22.50	
402	080402	17	NGUYỄN MINH	THƯ	Nữ	06/05/2008	6.00	1.75	3.00		18.50	
403	080403	17	NGUYỄN THỊ ANH	THƯ	Nữ	25/09/2008	6.00	2.25	2.80		19.30	
404	080404	17	NGUYỄN THỊ THANH	THƯ	Nữ	12/06/2008	2.75	0.00	1.80		7.30	
405	080405	17	PHẠM ANH	THƯ	Nữ	24/11/2008	5.50	2.00	2.40		17.40	
406	080406	17	PHẠM ANH	THƯ	Nữ	07/07/2008	4.00	1.00	2.20		12.20	
407	080407	17	PHẠM THỊ ANH	THƯ	Nữ	13/10/2008	4.00	5.25	1.90		20.40	
408	080408	17	QUẢNG THỊ ANH	THƯ	Nữ	14/01/2008	5.00	2.25	2.80		17.30	
409	080409	18	ĐỖ TRỌNG	THỨC	Nam	22/10/2008	3.50	1.25	4.20		13.70	
410	080410	18	NGUYỄN BẢO	THY	Nữ	29/06/2008	5.50	2.00	2.40		17.40	
411	080411	18	HỒ THỊ NHƯ	TIÊN	Nữ	15/07/2008	6.50	2.25	4.10		21.60	
412	080412	18	LÊ THÀNH	TIÊN	Nam	19/08/2008	5.50	5.00	4.30		25.30	
413	080413	18	LÊ THỊ THỦY	TIÊN	Nữ	25/01/2008	7.25	3.50	6.00		27.50	
414	080414	18	NGUYỄN KIỀU	TIÊN	Nữ	27/05/2008	2.25	2.25	3.90		12.90	
415	080415	18	LÊ NGUYỄN VIỆT	TIẾN	Nam	30/08/2008	3.00	1.25	2.80		11.30	
416	080416	18	NGUYỄN MINH	TIẾN	Nam	08/03/2008	3.00	3.25	4.30		16.80	
417	080417	18	PHẠM GIA	TIẾN	Nam	25/04/2008	7.00	8.00	8.90		38.90	
418	080418	18	VÕ CAO	TIẾN	Nam	21/11/2008	6.00	4.75	4.70		26.20	
419	080419	18	NGUYỄN THỊ ÁNH	TIẾT	Nữ	24/09/2008	7.00	3.00	4.50		24.50	
420	080420	18	ĐÀO NHƯ	TÍNH	Nam	06/10/2008	5.25	2.00	4.50		19.00	
421	080421	18	VÕ ĐỨC	TÍNH	Nam	19/10/2008	4.50	2.00	2.00		15.00	
422	080422	18	LÊ THỊ THU	TÌNH	Nữ	02/02/2008	6.00	2.00	1.40		17.40	
423	080423	18	PHẠM HỮU	TÌNH	Nam	07/09/2008	4.25	4.50	2.00		19.50	
424	080424	18	PHẠM VĂN	TÌNH	Nam	12/04/2008	2.75	2.50	2.90		13.40	
425	080425	18	TRẦN MINH	TÍNH	Nam	07/05/2008	2.75	2.50	3.10		13.60	
426	080426	18	LÊ THỊ QUỲNH	TRANG	Nữ	16/01/2008	5.50	1.75	3.60		18.10	
427	080427	18	PHẠM HUYỀN	TRANG	Nữ	11/07/2008	7.00	3.00	3.30		23.30	
428	080428	18	HOÀNG THÙY	TRÂM	Nữ	22/01/2008	7.50	4.25	4.10		27.60	
429	080429	18	LÊ THỊ NGỌC	TRÂM	Nữ	02/01/2008	7.75	9.00	6.60		40.10	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh			
430	080430	18	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂM	Nữ	17/09/2008	5.75	4.75	3.90		24.90	
431	080431	18	PHẠM THÙY	TRÂM	Nữ	10/08/2008	6.00	2.50	1.90		18.90	
432	080432	18	TRẦN DIỆU	TRÂM	Nữ	26/06/2008	6.50	4.50	2.30		24.30	
433	080433	19	TRƯƠNG THỊ NGỌC	TRÂM	Nữ	11/10/2008	5.00	3.75	3.90		21.40	
434	080434	19	VÕ THỊ	TRÂM	Nữ	12/08/2008	6.75	6.25	3.60		29.60	
435	080435	19	LÊ ĐÌNH	TRIỀU	Nam	12/07/2008	4.75	3.25	2.30		18.30	
436	080436	19	DƯƠNG THỊ TỐ	TRINH	Nữ	28/04/2008	4.50	2.75	2.40		16.90	
437	080437	19	VÕ THỊ KIỀU	TRINH	Nữ	27/08/2008	4.00	1.50	2.30		13.30	
438	080438	19	DƯƠNG ĐẶNG CÔNG	TRÍ	Nam	14/12/2008	4.50	1.75	1.90		14.40	
439	080439	19	ĐỖ CÔNG	TRÍ	Nam	26/06/2008	5.50	2.50	2.30		18.30	
440	080440	19	LÊ BÁ	TRÍ	Nam	29/09/2007	2.75	1.25	2.90		10.90	
441	080441	19	PHẠM DŨNG	TRÍ	Nam	14/10/2008	6.25	6.25	3.80		28.80	
442	080442	19	VÕ VĂN	TRÍ	Nam	07/04/2008	5.50	2.75	3.00		19.50	
443	080443	19	HỒ TẤN	TRỊNH	Nam	17/01/2008	4.00	2.50	1.70		14.70	
444	080444	19	PHẠM HỮU	TRỌNG	Nam	14/11/2008	4.50	2.50	2.70		16.70	
445	080445	19	PHẠM QUANG	TRỌNG	Nam	20/11/2008	3.00	2.00	3.60		13.60	
446	080446	19	PHẠM THANH	TRỌNG	Nam	01/05/2008	8.50	7.75	6.90		39.40	
447	080447	19	BÙI QUỐC	TRUNG	Nam	04/01/2008	6.75	6.75	6.00		33.00	
448	080448	19	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	Nam	11/10/2008	5.00	2.75	2.40		17.90	
449	080449	19	NGUYỄN THÀNH	TRUNG	Nam	26/11/2006	3.75	3.00	3.00		16.50	
450	080450	19	PHẠM ĐÌNH	TRUNG	Nam	31/01/2008	5.00	3.00	3.60		19.60	
451	080451	19	PHẠM KIÊN	TRUNG	Nam	03/11/2007	5.50	3.75	3.50		22.00	
452	080452	19	TẠ THANH	TRUYỀN	Nam	24/11/2007	3.00	4.00	3.90		17.90	
453	080453	19	NGUYỄN PHONG CẨM	TRÚC	Nữ	06/09/2008	5.50	3.00	3.60		20.60	
454	080454	19	NGUYỄN THỊ THANH	TRÚC	Nữ	21/09/2008	6.75	7.50	6.30		34.80	
455	080455	19	VÕ THANH	TRƯƠNG	Nam	01/06/2008	6.75	5.50	4.20		28.70	
456	080456	19	PHẠM XUÂN	TRƯỜNG	Nữ	16/09/2006	3.25	4.25	4.00		19.00	
457	080457	20	ĐỖ ANH	TUẤN	Nam	20/06/2008	3.50	2.25	1.50		13.00	
458	080458	20	LÊ ANH	TUẤN	Nam	15/09/2008	3.25	3.00	2.80		15.30	
459	080459	20	PHẠM QUỐC	TUẤN	Nam	04/07/2008	4.50	4.25	3.00		20.50	
460	080460	20	NGUYỄN THỊ ÁNH	TUYẾT	Nữ	19/02/2008	3.50	3.50	2.60		16.60	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh			
461	080461	20	NGUYỄN THỊ THANH	TUYỀN	Nữ	05/05/2008	6.50	5.50	4.30		28.30	
462	080462	20	NGUYỄN THỊ THANH	TUYỀN	Nữ	06/03/2008	3.75	3.25	3.70		17.70	
463	080463	20	NGUYỄN THỊ THANH	TUYỀN	Nữ	04/09/2008	5.50	4.00	3.20		22.20	
464	080464	20	NGUYỄN THỊ THANH	TUYỀN	Nữ	24/10/2008	3.75	2.25	3.10		15.10	
465	080465	20	VÕ HỒ THANH	TUYỀN	Nữ	28/12/2008	5.25	4.00	3.10		21.60	
466	080466	20	HUỲNH THỊ CẨM	TÚ	Nữ	10/05/2008	5.50	7.00	3.00		28.00	
467	080467	20	LƯU NGUYỄN MINH	TÚ	Nam	26/01/2008	4.00	1.25	2.10		12.60	
468	080468	20	PHẠM DUY	TÚ	Nam	23/06/2008	2.50	1.00	1.80		8.80	
469	080469	20	PHẠM THÁI	TÚ	Nam	09/12/2008	2.50	0.50	2.70		8.70	
470	080470	20	TRẦN VĂN	TÙNG	Nam	24/11/2008	2.75	2.50	2.80		13.30	
471	080471	20	VÕ THANH	TÙNG	Nam	10/08/2008	1.50	1.00	2.40		7.40	
472	080472	20	NGUYỄN THỊ MỸ	UYÊN	Nữ	29/12/2008	5.25	3.50	3.40		20.90	
473	080473	20	PHẠM BẢO	UYÊN	Nữ	01/05/2008	5.50	4.00	3.80		22.80	
474	080474	20	PHẠM THỊ MỸ	UYÊN	Nữ	05/05/2008	2.75	0.25	1.30		7.30	
475	080475	20	TRẦN CAO THẢO	UYÊN	Nữ	13/06/2008	6.75	6.75	6.10		33.10	
476	080476	20	LÊ ANH	VĂN	Nam	31/05/2008	4.50	4.00	3.20		20.20	
477	080477	20	NGUYỄN THỊ THÚY	VÂN	Nữ	17/02/2008	4.75	2.50	3.50		18.00	
478	080478	20	TRẦN THỊ THÚY	VI	Nữ	05/09/2008	4.75	5.25	2.40		22.40	
479	080479	20	VÕ KIỀU	VI	Nữ	31/10/2008	4.25	5.00	2.40		20.90	
480	080480	20	NGUYỄN TẤN	VIÊN	Nam	30/10/2008	5.00	7.25	4.00		28.50	
481	080481	21	ĐẶNG NGỌC	VIỄN	Nam	14/07/2008	3.50	1.25	2.80		12.30	
482	080482	21	DƯƠNG ANH	VIỆT	Nam	02/08/2008	2.50	1.25	1.20		8.70	
483	080483	21	TRƯƠNG TẤN	VIỆT	Nam	04/10/2008	4.00	4.75	2.10		19.60	
484	080484	21	VŨ HỮU	VIỆT	Nam	15/09/2008	5.00	3.50	2.70		19.70	
485	080485	21	LÊ PHẠM KHÁNH	VIN	Nam	22/11/2008	4.50	3.25	2.60		18.10	
486	080486	21	PHẠM NGỌC	VINH	Nam	31/05/2008	4.00	4.25	2.00		18.50	
487	080487	21	VÕ THÀNH	VINH	Nam	16/07/2008	4.50	3.50	3.70		19.70	
488	080488	21	LƯU CHÍ	VĨ	Nam	16/02/2008	4.00	2.25	2.00		14.50	
489	080489	21	ĐỖ TẤN VY	VU	Nam	28/09/2008	4.00	2.50	2.30		15.30	
490	080490	21	LƯƠNG THIỆN	VŨ	Nam	26/08/2008	4.25	5.00	3.80		22.30	
491	080491	21	NGUYỄN PHẠM HOÀNG	VŨ	Nam	06/08/2008	4.50	3.00	2.90		17.90	

STT	Số báo danh	Phòng thi	Họ và tên thí sinh		Giới tính	Ngày sinh	Điểm các môn thi			Điểm cộng thêm	Điểm xét tuyển	Ghi chú
							Ngữ văn	Toán	T.Anh			
492	080492	21	NGUYỄN TRẦN TUẤN	VŨ	Nam	22/03/2008	4.00	3.25	2.10		16.60	
493	080493	21	TRỊNH TRƯƠNG HOÀNG	VƯƠNG	Nam	27/12/2008	5.75	3.00	2.90		20.40	
494	080494	21	LÊ HUỲNH MINH	VŨNG	Nam	10/05/2008	4.75	4.00	3.30		20.80	
495	080495	21	ĐINH THỊ HÀ	VY	Nữ	15/07/2008	5.00	2.50	3.00		18.00	
496	080496	21	ĐỖ ĐOÀN YẾN	VY	Nữ	13/11/2008	5.00	5.00	3.90		23.90	
497	080497	21	ĐỖ THỊ KIM	VY	Nữ	15/07/2008	5.50	6.75	7.40		31.90	
498	080498	22	ĐỖ THỊ NHẬT	VY	Nữ	20/04/2008	4.75	4.25	4.20		22.20	
499	080499	22	HỒ NGUYỄN THÚY	VY	Nữ	20/01/2008	4.50	2.00	2.60		15.60	
500	080500	22	NGÔ THỊ THẢO	VY	Nữ	13/11/2008	2.25	1.00	2.30		8.80	
501	080501	22	NGUYỄN ÁI	VY	Nữ	16/05/2008	4.00	4.25	3.30		19.80	
502	080502	22	NGUYỄN PHẠM TƯỜNG	VY	Nữ	02/01/2008	6.00	3.75	3.50		23.00	
503	080503	22	NGUYỄN THỊ MỸ	VY	Nữ	09/08/2008	4.50	2.25	2.50		16.00	
504	080504	22	NGUYỄN THỊ YẾN	VY	Nữ	26/08/2008	6.75	5.50	8.10		32.60	
505	080505	22	PHẠM CAO NHƯ ÁI	VY	Nữ	02/04/2008	2.25	4.50	4.70		18.20	
506	080506	22	TRỊNH THỊ ÁNH	VY	Nữ	06/02/2008	7.50	7.00	5.10		34.10	
507	080507	22	VÕ PHƯỢNG	VỸ	Nữ	21/04/2008	7.00	6.25	4.30		30.80	
508	080508	22	NGUYỄN THANH	XUÂN	Nam	06/11/2008	2.50	1.50	2.40		10.40	
509	080509	22	TRẦN THỊ THANH	XUÂN	Nữ	09/05/2008	5.00	3.00	2.30		18.30	
510	080510	22	LÊ HOÀNG	YẾN	Nữ	11/02/2008	6.00	4.75	2.80		24.30	
511	080511	22	NGUYỄN THỊ BẢO	YẾN	Nữ	03/07/2008	4.50	4.75	3.20		21.70	
512	080512	22	BÙI NGUYỄN NHƯ	Ý	Nữ	20/09/2008	4.50	2.50	2.50		16.50	
513	080513	22	NGUYỄN PHẠM NHƯ	Ý	Nữ	18/08/2008	5.00	3.25	2.10		18.60	
514	080514	22	VÕ THỊ THU	Ý	Nữ	03/10/2008	5.75	3.50	3.40		21.90	

Quảng Ngãi, ngày 21 tháng 6 năm 2023

Người ghép điểm	Người rà soát bảng in	KT. CHỦ TỊCH PHÓ CHỦ TỊCH	Cán bộ xét duyệt	GIÁM ĐỐC
Bùi Văn Vàng	Trang Ngọc Tuấn	Trần Đức Hùng	Hà Tấn Thọ	Nguyễn Ngọc Thái